

Bản án số: **143/2021/HSPT**

Ngày: 24 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Long

Các T phán:

Ông Trần Minh Tuấn

Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 95/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Thị T và các bị cáo khác về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, “*Đánh bạc*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2020/HS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 717/2021/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Thị T**, Tên gọi khác: T; sinh năm 1981, tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Đức L và bà Phạm Thị M. Bị cáo có chồng là: Bùi Văn T S và có 02 (lớn sinh năm 1998 và nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019, đến ngày 27/8/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Ngô Danh H**; Tên gọi khác: S; Sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Tiến Đ và bà Phạm Thị Minh N; Bị cáo có vợ là Lê Thúy Q; có 04 con (lớn nhất sinh năm 2013; nhỏ nhất sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: không.

N thân: Ngày 6/5/1999, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng về tội “Cướp tài sản công dân” (*đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*); Năm 2000, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 05 năm tù về tội “Hiếp dâm” (*đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*). Năm 2005, tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Bùi Văn T S**; tên gọi khác: G; Sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi S và con bà Trần Thị Đ. Bị cáo có vợ là Bùi Thị T; có 02 con (lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: không.

N thân: Năm 1997, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng về tội “Gây rối trật tự công cộng” (*đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*). Năm 1998, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 03 năm 06 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” (*đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*). Năm 2000, bị Tòa án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” (*đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*). Năm 2006, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (*đã chấp hành xong hình phạt và đã được xoá án tích*). Ngày 25/4/2013, bị Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Võ Thị Kim T**; Sinh năm 1969 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn T và bà Mai Thị L. Bị cáo có chồng là: Nguyễn Hữu H; có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019, đến ngày 09/7/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**, Sinh năm 1966 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ điện; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu L (đã chết) và bà Trương Thị M. Bị cáo có vợ là: Võ Thị Kim T; có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993; nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/7/2019, đến ngày 16/7/2019 được áp dụng biện pháp

ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **La Thị S**; Tên gọi khác: L; Sinh năm 1970 tại Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký HKTT: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 02/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: La S và bà Mai Thị C. Bị cáo có chồng là: Hồ Phước N; có 03 con (lớn nhất sinh năm 1993; nhỏ nhất sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**; Sinh năm 1960 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn N (đã chết) và bà Tạ Thị N (đã chết). Bị cáo có chồng là Nguyễn Trường B; có 05 con (lớn nhất sinh năm 1979; nhỏ nhất sinh năm 1996). Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có một số bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2019, bị cáo Bùi Thị T đứng ra tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận số đề từ các đầu dưới rồi sau đó tổng hợp lại chuyển cho các đầu trên để hưởng tiền hoa hồng. Để thực hiện hành vi phạm tội của mình, T nhờ Bùi Thị Kim D là em gái giúp việc đi thu, chỉ số tiền thắng thua số đề và mỗi tháng T trả cho D 2.000.000 đồng. Đến tháng 04/2019, chồng của T là Bùi Văn T S cũng tham gia cùng T trong việc đi thu, chỉ tiền của các đầu dưới, đồng thời hàng ngày đứng ngoài cảnh giới khi T cùng đồng bọn tính toán việc nhận, chuyển số đề để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Đến đầu tháng 06/2019, vợ chồng Ngô Danh H và Lê Thúy Q trao đổi với T để cùng tham gia tổ chức nhận số đề chuyển cho các đầu trên để hưởng hoa hồng thì T đồng ý. Do đó, hàng ngày trước khi có kết quả xổ số, T qua nhà của H và Q để cùng tập hợp số đề từ đầu dưới chuyển đến rồi chuyển lên cho các đầu trên để hưởng hoa hồng, trong đó vợ chồng T được hưởng 50% và vợ chồng H được hưởng 50% từ số tiền hoa hồng. Để thực hiện việc nhận, chuyển số đề, nhóm của T sử dụng số điện thoại 0867642509 để nhắn tin thông qua tin nhắn điện thoại.

*** Hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo Bùi Thị T, Bùi Văn T S, Ngô Danh H cụ thể như sau:**

Ngày 05/7/2019, T và đồng bọn đã nhận số đề của những người sau:

+ Nhận số đề từ Bùi N S qua tin nhắn đài Gia Lai tương ứng số tiền 1.781.000 đồng, đài Ninh Thuận tương ứng 557.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 283.000 đồng. Kết quả, S trúng đài Gia Lai 2.800.000 đồng.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Thị N qua tin nhắn đài Gia Lai tương ứng số tiền 12.617.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 3.239.250 đồng. Kết quả, N trúng đài Gia Lai 35.000.000 đồng.

+ Nhận số đề từ Nguyễn Hoàng V qua tin nhắn đài Gia Lai tương ứng số tiền 2.576.000 đồng, đài Ninh Thuận tương ứng 1.414.000 đồng. Kết quả 02 đài không có số trúng.

+ Nhận số đề của một người tên C (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) qua tin nhắn đài Gia Lai tương ứng số tiền 150.073.000 đồng; đài Hải Phòng tương ứng 37.000.000 đồng. Kết quả, C trúng đài Gia Lai 203.630.000 đồng.

+ Nhận số đề từ người tên N (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) qua tin nhắn đài Gia Lai tương ứng số tiền 4.928.000 đồng. Kết quả, N trúng đài Gia Lai 3.500.000 đồng.

+ Nhận số đề từ một người tên N (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) qua tin nhắn đài Gia Lai tương ứng số tiền 1.260.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 1.296.000 đồng. Kết quả, không có số trúng.

Sau khi nhận số đề của của những người trên, T, S, D, H và Q tập hợp chuyển cho những người sau:

+ Chuyển cho Võ Thị Kim T qua tin nhắn số điện thoại 0347999651 đài Gia Lai tương ứng số tiền 25.223.000 đồng; đài Hải Phòng tương ứng 23.112.000 đồng. Kết quả, đài Gia Lai T trúng 93.450.000 đồng.

+ Chuyển cho một người đàn ông tên T (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*), qua tin nhắn điện thoại số 0916022106 đài Gia Lai tương ứng số tiền 88.253.000 đồng; đài Ninh Thuận tương ứng 659.000 đồng; đài Hải Phòng tương ứng 5.289.000 đồng. Kết quả, đài Gia Lai trúng 78.400.000 đồng, các đài còn lại không có số trúng.

+ Chuyển cho một người phụ nữ tên T (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) bằng phôi số đề với đài Gia Lai tương ứng số tiền 58.292.000 đồng; đài Ninh Thuận tương ứng 1.300.000 đồng; đài Hải Phòng tương ứng 13.238.000 đồng. Kết quả, đài Gia Lai trúng 73.080.000 đồng, các đài còn lại không có số trúng.

Tổng cộng T cùng đồng bọn đã chuyển số đề cho các đầu trên đài Gia Lai tương ứng 171.768.000 đồng, đài Ninh Thuận 1.959.000 đồng và đài Hải Phòng 41.639.000 đồng. Số tiền hoa hồng nhóm T hưởng lợi là 1.656.000 đồng. Tuy nhiên, do nhóm T chưa nhận được tiền từ các đầu dưới và chưa thanh toán tiền thắng thua thì bị phát hiện nên chưa được hưởng tiền hoa hồng trên. Số tiền hoa

hồng vợ chồng T hưởng lợi trong quá trình tổ chức đánh bạc trước đó là 20.000.000 đồng và vợ chồng H hưởng lợi 10.000.000 đồng.

Trong ngày 05/7/2019, các bị cáo Bùi Thị T, Bùi Văn T S, Ngô Danh H, Lê Thúy Q và Bùi Thị Kim D đã nhận số đề của đài Gia Lai tương ứng 173.232.000 đồng; đài Ninh Thuận 1.971.000 đồng và đài Hải Phòng là 41.819.000 đồng. Kết quả, đài Gia Lai khách trúng 244.930.000 đồng; đài Ninh Thuận khách không trúng, còn đối với đài Hải Phòng tại thời điểm các bị cáo bị phát hiện chưa có kết quả xổ số nên không tính kết quả thắng thua. Do đó, số tiền tổ chức đánh bạc của Bùi Thị T cùng đồng bọn được xác định đài Gia Lai là 418.165.000 đồng, đài Ninh Thuận 1.971.000 đồng và đài Hải Phòng là 41.819.000 đồng.

*** Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thị Kim T:**

Quá trình điều tra mặc dù bị cáo Võ Thị Kim T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ để xác định: Khoảng đầu tháng 6/2019, Võ Thị Kim T cùng với chồng mình là Nguyễn Hữu H nhận số đề từ các đầu dưới chuyển đến để đánh bạc thắng thua. T đã chủ động liên hệ với các đầu dưới chuyển số đề qua số điện thoại 0347999651. Để thực hiện hành vi đánh bạc của mình, T nhờ Vũ Thị Gia L là em dâu hàng ngày giúp việc tính toán, tổng hợp số đề của các đầu dưới chuyển cho T và T trả công cho L bằng việc sẽ đóng tiền học phí cho các con của L. Còn việc đi thu, chi tiền số đề thì hàng ngày Nguyễn Hữu H sẽ thực hiện. Ngoài ra, T còn nhờ Nguyễn Thị C làm trung gian nhận số đề từ một số đầu dưới rồi nhắn tin chuyển cho T, sau khi có kết quả thắng thua C sẽ chịu trách nhiệm giao nhận, thu chi tiền số đề của các đầu dưới này. Tùy thuộc vào số tiền thắng thua, hàng ngày T sẽ trả cho C từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng.

Trong ngày 05/7/2019, T đã nhận số đề của những người sau:

+ Nhận số đề từ Bùi Thị T qua tin nhắn điện thoại đài Gia Lai tương ứng với số tiền 25.223.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 23.112.000 đồng. Kết quả đài Gia Lai T trúng 93.450.000 đồng.

+ Nhận số đề từ Hồ Phước N qua tin nhắn điện thoại đài Gia Lai tương ứng với số tiền 13.078.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 34.020.000 đồng. Kết quả, đài Gia Lai N trúng số đề 1.400.000 đồng.

+ Nhận số đề từ Lê Thị H qua tin nhắn điện thoại đài Gia Lai tương ứng với số tiền 6.805.000 đồng.

Như vậy ngày 05/7/2019, T đã nhận số đề đài Gia Lai tương ứng số tiền 45.106.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 57.132.000 đồng. Kết quả, đài Gia Lai đầu dưới trúng 94.850.000 đồng. Do đó, số tiền đánh bạc của bị cáo Võ Thị Kim T đối với đài Gia Lai là 139.956.000 đồng, đài Hải Phòng là 57.132.000 đồng. Tuy nhiên, các đầu dưới chưa chuyển tiền và thanh toán tiền thắng thua với T.

*** Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu H:**

Khoảng đầu tháng 06/2019, Nguyễn Hữu H biết vợ mình là Võ Thị Kim T đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, H bắt đầu tham gia cùng T trong việc hàng ngày đi thu, chi tiền số đề từ các đầu dưới, cụ thể như sau:

+ Ngày 02/7/2019, H đi giao cho Bùi Thị Kim D 129.556.000 đồng, trong đó 19.556.000 đồng là tiền Bùi Thị T trúng số đề, số tiền còn lại là tiền huê; giao cho Hồ Phước N 39.000.000 đồng, trong đó 19.000.000 đồng là tiền N trúng số đề, số tiền còn lại là của N mượn T.

+ Ngày 03/7/2019, H đi giao cho cho T 21.000.000 đồng, giao cho T 21.000.000 đồng (*chưa xác định được nhân thân lai lịch của 02 người này*).

+ Ngày 04/7/2019, H giao cho Hồ Phước N 22.000.000 đồng tại nhà H và đi giao cho Bùi Thị Kim D 48.000.000 đồng là tiền số đề .

+ Ngày 05/7/2019, H đi giao tiền cho T (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) 20.000.000 đồng và giao cho Hồ Phước N 19.556.000 đồng là tiền số đề.

*** Hành vi phạm tội của bị cáo La Thị S và Nguyễn Thị T:**

Ngày 05/7/2019, La Thị S nhận số đề từ một người bán vé số dạo để trực tiếp thắng thua đài Gia Lai tương ứng 11.772.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 2.184.000 đồng. Kết quả đài Gia Lai người chơi trúng 14.700.000 đồng.

Cũng trong ngày 05/7/2019, biết chồng mình là Hồ Phước N nhận ghi số đề nên S sử dụng điện thoại số 0329350486 nhắn tin cho N để đánh số đề đài Gia Lai tương ứng 21.168.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 13.530.000 đồng. Kết quả, S trúng đài Gia Lai 19.600.000 đồng.

Ngoài ra, trong ngày 05/7/2019, La Thị S còn cùng Nguyễn Thị T sử dụng điện thoại số 0395755207 của T nhắn tin đánh số đề với một người phụ nữ tên Hữu (*chưa xác minh được nhân thân, lai lịch*) đài Gia Lai tương ứng 10.584.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 14.280.000 đồng. Kết quả, S và T trúng đài Gia Lai 9.800.000 đồng.

Đối với đài Hải Phòng tại thời điểm chưa có kết quả thì S, T và N đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang nên không tính kết quả thắng thua.

Như vậy, ngày 05/7/2019, La Thị S đã đánh số đề đài Gia Lai tương ứng 43.524.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 29.994.000 đồng, kết quả S trúng đài Gia Lai 44.100.000 đồng. Nguyễn Thị T đánh số đề đài Gia Lai tương ứng 10.584.000 đồng và đài Hải Phòng tương ứng 14.280.000 đồng, kết quả T trúng đài Gia Lai 9.800.000 đồng. Do đó, số tiền đánh bạc của La Thị S được xác định đài Gia Lai là 87.624.000 đồng và đài Hải Phòng là 29.994.000 đồng. Số tiền đánh bạc của Nguyễn Thị T được xác định đài Gia Lai là 20.384.000 đồng và đài Hải Phòng là 14.280.00 đồng. S và T chưa nhận, chuyển và thanh toán tiền số đề với các đầu dưới cũng như đầu trên.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2020/HS-ST ngày 28-9-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thị T, Ngô Danh H, Bùi Văn T S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Võ Thị Kim T và Nguyễn Hữu H, La Thị S, Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T **02 (hai) năm 06 tháng tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 27/8/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T S **01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Ngô Danh H **01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Kim T **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 09/7/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H **03 (ba) năm tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/7/2019 đến ngày 16/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo La Thị S **03 (ba) năm tù**, được khấu trừ thời gian đã bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T **06 (sáu) tháng tù**, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/7/2019. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo: Lê Thúy Q, Bùi Thị Kim D, Hồ Phước N, Nguyễn Hoàng Vỹ, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Thị Nguyệt, Hoàng Huát, Nguyễn Thị Minh Tâm, Bùi Ngọc S, Nguyễn Thị Cán, Lê Thị Hạnh; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định,

Ngày 02/10/2020 các bị cáo Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05/10/2020 các bị cáo Bùi Thị T, Ngô Danh H, Bùi Văn T S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Bị cáo La Thị S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 06/10/2020 bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bùi Thị T, Ngô Danh H, Bùi Văn T S, Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, La Thị S và Nguyễn Thị T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, được thu thập có tại hồ sơ vụ án; do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng đầu năm 2109, T cùng với H, S, Lê Thúy Q và Bùi Thị Kim D đứng ra tổ chức đánh bạc dưới hình thức nhận số đề từ những người ghi nhỏ lẻ đối với những người chơi số đề, sau đó tổng hợp lại chuyển cho người khác để nhận tiền chênh lệch. Trong đó, khi bị phát hiện bắt quả tang vào ngày 05/7/2019, T cùng với H, S, Lê Thúy Q và Bùi Thị Kim D tổ chức đánh bạc thông qua kết quả số số kiến thiết các tỉnh, gồm: tỉnh Gia Lai với số tiền là 418.165.000 đồng, tỉnh Ninh Thuận với số tiền 1.971.000 đồng và thành phố Hải Phòng với số tiền 41.819.000 đồng; tổng cộng số tiền các bị cáo tổ chức đánh bạc là: 461.955.000 đồng; trong đó có nhiều lần đánh bạc một lúc từ 20.000.000 đồng trở lên; T thu lợi bất chính số tiền 20.000.000 đồng, H và Q thu lợi bất chính số tiền 10.000.000 đồng.

Đối với La Thị S và Nguyễn Thị T, trong ngày 05/7/2019, S nhận số đề từ một người bán vé số dạo và cùng với T nhả tin đánh số đề với một người tên Hữu, tổng cộng số tiền S đánh số đề và trúng số đề thông qua kết quả số số kiến thiết các tỉnh, gồm: tỉnh Gia Lai với số tiền là 87.624.000 đồng, thành phố Hải Phòng với số tiền 29.994.000 đồng; tổng cộng là: 117.618.000 đồng; số tiền T đánh số đề và trúng số đề thông qua kết quả số số kiến thiết các tỉnh, gồm: tỉnh Gia Lai với số tiền là 20.384.000 đồng, thành phố Hải Phòng với số tiền 14.280.000 đồng; tổng cộng là: 34.664.000 đồng;

Các bị cáo Võ Thị Kim T và Nguyễn Hữu H tại phiên tòa phúc thẩm đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm quy kết. Cụ thể H thừa nhận khoảng từ đầu tháng 6/2019 biết vợ là T đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, H đã giúp cho T trong việc đi thu, chi tiền số đề từ những người ghi và người trúng. Trong đó, ngày 05/7/2019, T và H đã giao nhận số đề và tiền trúng số đề từ Bùi Thị T, Hồ Phước N và Lê Thị Hạnh thông qua kết quả sổ số kiến thiết các tỉnh, gồm: tỉnh Gia Lai với số tiền là 139.956.000 đồng, thành phố Hải Phòng với số tiền 57.132.000 đồng; tổng cộng là: 197.088.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Bùi Thị T, Ngô Danh H, Bùi Văn T S về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; kết án Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, La Thị S về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; kết án Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị T, Ngô Danh H, Bùi Văn T S, thấy:

Trong vụ án này, Bùi Thị T là người chủ mưu cầm đầu, phân công nhiệm vụ cho từng bị cáo khác để tổ chức đánh bạc; số tiền tổ chức đánh bạc và thu lợi bất chính lớn nhất. Bùi Văn T S là người giúp sức cho T trong quá trình thu, chi tiền của các người chơi và còn có nhiệm vụ cảnh giới khi T và các bị cáo khác tính toán, nhận chuyển số đề; H và Q thì sử dụng nhà của mình để tổ chức đánh bạc cùng với T, được hưởng 50% số tiền chênh lệch (hoa hồng) từ T. Ngoài ra, S và H đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhiều lần về nhiều tội khác nhau. Đồng thời, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo; tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; riêng bị cáo Bùi Thị T đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ngô Danh H và Bùi Văn T S, tuyên phạt Bùi Thị T 02 năm 06 tháng tù; tuyên phạt Ngô Danh H và Bùi Văn T S mỗi bị cáo 01 năm 07 tháng tù, đều về tội “Tổ chức đánh bạc” là tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Danh H cung cấp 01 Biên lai thu tiền số 0003205 ngày 16/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, bị cáo nộp 10.000.000 đồng (là số tiền H nộp thay cho Lê Thúy Q trong khoản tiền 94.447.000 đồng là giá trị phòng khách của gia đình các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội). Bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm. Đây là tình tiết mới của bị cáo nhưng như phân tích trên, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Văn T S cũng nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm nhưng nhân thân của bị cáo xấu, mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Bùi Thị T sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm, chồng bị cáo là bị cáo Bùi Văn T S phạm tội trong cùng vụ án, bị cáo có 01 con sinh năm 2012, là con chung với bị cáo S. Hội đồng xét xử xét hoàn cảnh này, chỉ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Về hoàn cảnh gia đình, bị cáo Võ Thị Kim T và bị cáo Nguyễn Hữu H là vợ chồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Võ Thị Kim T đã được UBND xã Cư Êbur, thành phố B xác nhận vợ chồng bị cáo T, H cư trú tại địa phương, đã chấp hành tốt đường lối chính sách pháp luật của Nhà nước, không vi phạm gì, là công dân tốt tại địa phương, trước khi phạm tội không vi phạm pháp luật, sống hòa thuận, chia sẻ và ủng hộ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo sinh năm 1969, nay đã lớn tuổi, phải nuôi 02 con nhỏ và trực tiếp nuôi dưỡng cha ruột là ông Võ Văn T, sinh năm 1928, mẹ ruột là bà Mai Thị L sinh năm 1943; và đang chu cấp cho mẹ chồng là bà Trương Thị M, sinh năm 1941. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi ở ổn định; bị cáo T phạm tội “Đánh bạc” với số tiền không lớn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án, mức hình phạt của bị cáo có phần nghiêm khắc. Bị cáo H biết vợ mình tham gia đánh bạc, bị cáo hằng ngày thu chi số đề từ các đầu dưới, vai trò của bị cáo thứ yếu, thấp hơn các bị cáo khác. Từ những tình tiết mới này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo Võ Thị Kim T mức hình phạt bằng thời gian đã tạm giam; áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo với một thời gian thử thách cần thiết cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo La Thị S và Nguyễn Thị T:

Trong ngày 05/7/2019, S nhận số đề từ một người bán vé số dạo rồi cùng với T nhắn tin đánh số đề nhiều lần với một người tên Hữu, tổng cộng số tiền S đánh số đề và trúng số đề thông qua kết quả số số kiến thiết các tỉnh là 117.618.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; tổng cộng số tiền T đánh số đề và trúng số đề thông qua kết quả số số kiến thiết các tỉnh là 34.664.000 đồng, nên đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

- Bị cáo La Thị S phạm tội “Đánh bạc” với số tiền phạm tội không lớn, mức hình phạt của bị cáo La Thị S có phần nghiêm khắc so với các bị cáo khác trong cùng vụ án ở tội “Tổ chức đánh bạc”. Hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị

cáo nuôi con nhỏ, thường xuyên bị đau ốm. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo sinh năm 1970, đến nay đã lớn tuổi, có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo với một thời gian cần thiết, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo, rèn luyện mình.

- Bị cáo Nguyễn Thị T: Xét số tiền bị cáo dùng vào đánh bạc không lớn. Bị cáo là phụ nữ, sinh năm 1960, nay đã lớn tuổi. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi ở ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo với một thời gian thử thách cần thiết cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo Ngô Danh H, Bùi Văn T S không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Bùi Thị T, Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, La Thị S, Nguyễn Thị T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Danh H, Bùi Văn T S, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với 02 bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị T, Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, La Thị S, Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Bùi Thị T, Võ Thị Kim T; giữ nguyên hình phạt tù, cho hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, La Thị S, Nguyễn Thị T.

1. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Ngô Danh H 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Bùi Văn T S 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

3. Áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Bùi Thị T 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 05/7/2019 đến ngày 27/8/2019.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Võ Thị Kim T 01 (một) năm 04 (bốn) ngày tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019 đến ngày 09/7/2020. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu H cho Ủy ban nhân dân xã Cư Êbur, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo La Thị S 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo La Thị S cho Ủy ban nhân dân phường Tân Lập, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Tân Hòa, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

8. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Ngô Danh H, Bùi Văn T S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Bùi Thị T, Võ Thị Kim T, Nguyễn Hữu H, La Thị S, Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

9. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long